

KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *176* /QĐ-KTNN

Hà Nội, ngày *03* tháng *02* năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Hướng dẫn kiểm toán Báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước

TỔNG KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Kiểm toán nhà nước số 81/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 55/2019/QH14;

Căn cứ Quyết định số 10/2025/QĐ-KTNN ngày 03/3/2025 của Tổng Kiểm toán nhà nước ban hành Quy trình kiểm toán của Kiểm toán nhà nước;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổng hợp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Hướng dẫn kiểm toán Báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước.

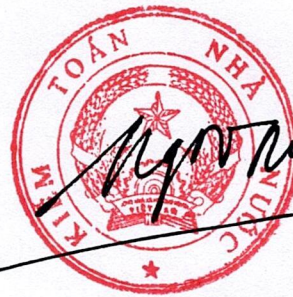
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 56/QĐ-KTNN ngày 08/02/2023 của Tổng Kiểm toán nhà nước ban hành Hướng dẫn kiểm toán Báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước.

Điều 3. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Kiểm toán nhà nước, Đoàn Kiểm toán nhà nước, các thành viên của Đoàn Kiểm toán nhà nước và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

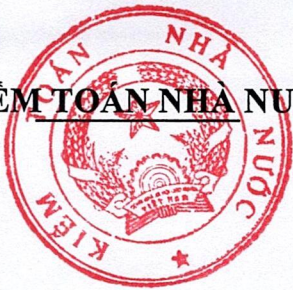
Nơi nhận:

- Lãnh đạo KTNN;
- Các đơn vị trực thuộc KTNN;
- Lưu: Văn thư.

TỔNG KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC



Ngô Văn Tuấn

**HƯỚNG DẪN****KIỂM TOÁN BÁO CÁO QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 176/QĐ-KTNN ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Tổng Kiểm toán nhà nước)

Chương I**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Hướng dẫn này hướng dẫn một số trình tự, nội dung, thủ tục thực hiện các bước công việc từ chuẩn bị kiểm toán, thực hiện kiểm toán đến lập và gửi báo cáo kiểm toán Báo cáo quyết toán (BCQT) ngân sách nhà nước (NSNN). Các bước đầy đủ thực hiện theo trình tự kiểm toán BCQT NSNN được quy định tại Quy trình kiểm toán của Kiểm toán nhà nước (KTNN).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Hướng dẫn này áp dụng đối với các đơn vị trực thuộc KTNN, các Đoàn KTNN được giao nhiệm vụ thực hiện cuộc kiểm toán BCQT NSNN (gọi tắt là Đoàn kiểm toán), các thành viên Đoàn kiểm toán.

Điều 3. Yêu cầu đối với Đoàn kiểm toán và thành viên Đoàn kiểm toán

Khi thực hiện kiểm toán BCQT NSNN, Đoàn kiểm toán, thành viên Đoàn kiểm toán phải tuân thủ các yêu cầu được quy định tại Quy trình kiểm toán của KTNN và các quy định tại Hướng dẫn này.

Điều 4. Kiểm soát chất lượng kiểm toán

Việc kiểm soát chất lượng kiểm toán được thực hiện theo quy định tại Quy trình kiểm toán của KTNN, Quy chế Kiểm soát chất lượng kiểm toán của KTNN và các quy định có liên quan.

Chương II**CHUẨN BỊ KIỂM TOÁN****Điều 5. Khảo sát, thu thập thông tin**

Thực hiện khảo sát, thu thập thông tin theo quy định tại Quy trình kiểm toán của KTNN và thu thập thêm các thông tin sau:

1. Thông tin tổng quan về tình hình kinh tế, xã hội, NSNN năm được kiểm toán

- Thông tin khái quát về những yếu tố có tác động đến kinh tế trong nước (tăng trưởng, lạm phát, khủng hoảng, dịch bệnh, lũ lụt, thiên tai...).

- Tình hình triển khai, thực hiện các nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ về chính sách tài khóa, tiền tệ và các giải pháp để quản lý, điều hành NSNN, phát triển kinh tế - xã hội...

- Các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô trong nước như: Tốc độ tăng trưởng kinh tế năm được kiểm toán và năm trước năm được kiểm toán; tỷ lệ huy động thuế, phí vào NSNN trên GDP; cán cân thương mại, cán cân thanh toán; tổng kim ngạch xuất khẩu và kim ngạch xuất khẩu của một số ngành chủ yếu;...

- Thông tin tổng quát về kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia; kế hoạch đầu tư công trung hạn quốc gia.

2. Thu thập thông tin về dự toán, tình hình thực hiện và quyết toán NSNN

a) Dự toán NSNN

- Thông tin về dự toán NSNN đã được Quốc hội quyết nghị, Thủ tướng Chính phủ giao, phân bổ cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương.

- Thông tin về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán NSNN niên độ ngân sách được kiểm toán của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ.

- Thông tin về việc phân bổ, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương (NSTW) cho các địa phương từ nguồn kinh phí chưa giao từ đầu năm.

- Các thông tin khác liên quan đến dự toán NSNN niên độ ngân sách được kiểm toán.

b) Cân đối NSNN

Thông tin về số quyết toán năm trước liền kề năm được kiểm toán và số liệu về dự toán, kết quả thực hiện dự toán năm được kiểm toán (theo báo cáo của Chính phủ, Bộ Tài chính tại thời điểm khảo sát, lập kế hoạch kiểm toán tổng quát) đối với các chỉ tiêu: (i) Tổng thu NSNN; (ii) Tổng chi NSNN; (iii) Bội chi, kết dư NSNN; (iv) Chi trả nợ gốc; (v) Tổng mức vay của NSNN.

c) Kết quả thực hiện thu NSNN, tình hình quản lý thu NSNN

- Thông tin về số quyết toán năm trước liền kề năm được kiểm toán và số liệu về dự toán, kết quả thực hiện dự toán năm được kiểm toán (theo báo cáo của Chính phủ, Bộ Tài chính tại thời điểm khảo sát, lập kế hoạch kiểm toán tổng quát) đối với các chỉ tiêu thu NSNN theo lĩnh vực, theo sắc thuế.

- Thông tin về tình hình quản lý thu NSNN như: Nợ thuế do ngành Thuế và ngành Hải quan quản lý, hoàn thuế giá trị gia tăng (GTGT), công tác quản lý miễn, giảm thuế, gia hạn, hoàn thuế, khoan nợ thuế (nếu có) và các thông tin khác cần lưu ý trong quản lý thu NSNN.

d) Kết quả thực hiện chi NSNN, chi NSTW; tình hình quản lý chi NSNN

- Thông tin về số quyết toán năm trước liền kề năm được kiểm toán và số liệu về dự toán, kết quả thực hiện dự toán năm được kiểm toán (theo báo cáo của Chính phủ, Bộ Tài chính tại thời điểm khảo sát, lập kế hoạch kiểm toán tổng quát) đối với các chỉ tiêu chi NSNN, chi NSTW và chi ngân sách địa phương (NSDP) theo cơ cấu chi; chi NSTW theo nhiệm vụ (gồm: Chi đầu tư phát triển; chi dự trữ quốc gia; chi trả nợ lãi; chi thường xuyên; chi trả nợ lãi các khoản do Chính phủ vay; chi viện trợ theo quy định của Chính phủ; chi cho vay theo quy định của Chính phủ; chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính trung ương; chi chuyển nguồn của NSTW sang năm sau; chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu cho NSDP).

- Thông tin về tình hình quản lý, điều hành, chấp hành chi NSNN như: Phân bổ và giao dự toán; điều chỉnh dự toán; tạm ứng, ứng trước dự toán và thu hồi tạm ứng, ứng trước; xử lý thiếu hụt tạm thời quỹ ngân sách; xử lý tăng, giảm thu, chi so với dự toán trong quá trình chấp hành NSNN; sử dụng dự phòng ngân sách; kéo dài thời gian thực hiện, chuyển nguồn sang năm sau; bổ sung có mục tiêu từ NSTW (chi các Chương trình mục tiêu quốc gia (CTMTQG); các khoản bổ sung có mục tiêu khác nhất là các chính sách an sinh xã hội do trung ương ban hành; các khoản bổ sung có mục tiêu đầu năm chưa phân bổ)...

e) Công tác kiểm tra, tổng hợp, lập BCQT NSNN của Bộ Tài chính

- Thông tin về việc Bộ Tài chính kiểm tra quyết toán của đơn vị dự toán ngân sách cấp I về tính đầy đủ, khớp đúng giữa các số liệu quyết toán với xác nhận của Kho bạc Nhà nước (KBNN).

- Thông tin về việc tổng hợp của Bộ Tài chính đối với quyết toán ngân sách của đơn vị dự toán cấp I thuộc NSTW, BCQT NSDP đã được Hội đồng nhân dân (HĐND) cấp tỉnh phê chuẩn và việc lập BCQT NSNN của Bộ Tài chính.

- Công tác tổng hợp các phụ lục số liệu kèm theo BCQT NSNN theo mẫu biểu quy định của Bộ Tài chính.

g) Thông tin về việc hỗ trợ vốn điều lệ cho các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách phát sinh trong năm được kiểm toán.

3. Thông tin về hệ thống kiểm soát nội bộ và các thông tin liên quan khác

a) Thông tin liên quan đến môi trường kiểm soát

- Cơ chế phân cấp quản lý tại Bộ Tài chính.

- Các nghị quyết của Quốc hội, nghị quyết, chính sách, chế độ của Nhà nước có liên quan đến hoạt động quản lý, điều hành thu, chi NSNN năm được kiểm toán.

b) Thông tin liên quan đến công tác kế toán trong việc lập BCQT NSNN.

- Hệ thống kế toán áp dụng.

- Tổ chức bộ máy kế toán và tình hình chấp hành pháp luật về kế toán.

- Quy trình các nghiệp vụ kinh tế chủ yếu và các sự kiện từ khi phát sinh đến khi lập BCQT NSNN.

- Các hoạt động, các giao dịch... có ảnh hưởng quan trọng đến BCQT NSNN.

c) Thông tin liên quan đến các thủ tục kiểm soát

- Thu thập thông tin về các thủ tục kiểm soát chủ yếu liên quan đến lập, chấp hành, quyết toán thu, chi NSNN.

- Các quy định về tổ chức hoạt động và các quy chế, quy định về kiểm tra, giám sát trong công tác lập BCQT NSNN.

d) Các thông tin khác cần thu thập

- Những sai sót được phát hiện và các lưu ý từ các cuộc kiểm toán trước; các kết quả, kiến nghị kiểm toán liên quan đến năm được kiểm toán.

- Những vấn đề thanh tra, kiểm tra đã có kết luận liên quan đến hoạt động trong thời kỳ được kiểm toán...

- Thông tin trên các phương tiện thông tin về những vấn đề được dư luận xã hội quan tâm liên quan đến quản lý tài chính, ngân sách.

- Văn bản hướng dẫn mục tiêu, trọng yếu và nội dung kiểm toán chủ yếu năm kiểm toán của KTNN.

4. Phương pháp thu thập thông tin

- Gửi văn bản yêu cầu cung cấp.

- Phỏng vấn trực tiếp.

- Khai thác thông tin trên hệ thống cơ sở dữ liệu của KTNN và hệ thống thông tin điện tử của Chính phủ, Bộ Tài chính và các cơ quan khác có liên quan (nếu có).

- Các phương pháp khác theo quy định tại Quy trình kiểm toán của KTNN.

Điều 6. Đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ và các thông tin đã thu thập

Thực hiện đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ và các thông tin đã thu thập theo phương pháp đánh giá và cách thức tiến hành quy định tại Chuẩn mực KTNN, Quy trình kiểm toán của KTNN; trong đó, tập trung đánh giá một số nội dung sau:

1. Đánh giá tính đầy đủ, độ tin cậy của các thông tin đã thu thập làm cơ sở đánh giá rủi ro và xác định trọng yếu kiểm toán.

2. Đánh giá tính kịp thời trong việc triển khai, thực hiện tổng hợp, lập BCQT NSNN của Bộ Tài chính trình Chính phủ và Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội (UBTVQH).

3. Đánh giá sơ bộ về tình hình tài chính quốc gia thông qua các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô; tình hình thu, chi, cân đối NSNN và các vấn đề liên quan đến dự toán, quyết toán năm trước liền kề năm được kiểm toán; kế hoạch tài chính 05 năm

quốc gia; kế hoạch đầu tư công trung hạn quốc gia.

4. Đánh giá hệ thống các quy định về quản lý NSNN, chính sách tài khóa năm được kiểm toán, những biến động bất thường trong thu, chi NSNN, hoạt động điều hành thu, chi NSNN chủ yếu trong năm được kiểm toán.

5. Đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ của Bộ Tài chính trên các mặt: Độ tin cậy, tính đầy đủ, tính liên tục, tính hiệu lực thông qua sự hiểu biết và đánh giá về môi trường kiểm soát thu, chi NSNN, công tác kế toán, các thủ tục kiểm soát nội bộ.

6. Đánh giá về các quy định nội bộ (tổ chức và hoạt động), kiểm soát, kiểm tra thu, chi NSNN; việc chấp hành các quy định, quy chế nội bộ trong việc tổng hợp và lập BCQT NSNN của các đơn vị thuộc Bộ Tài chính.

7. Đánh giá tổng hợp về độ tin cậy của hệ thống kiểm soát nội bộ; những hạn chế của hệ thống kiểm soát nội bộ của Bộ Tài chính.

Điều 7. Lập kế hoạch kiểm toán tổng quát

Thực hiện theo quy định tại Quy trình kiểm toán của KTNN; trong đó, một số nội dung chính cần xác định trong bước lập kế hoạch kiểm toán tổng quát, gồm:

1. Mục tiêu kiểm toán

- Đánh giá và xác nhận tính trung thực, hợp lý của BCQT NSNN năm được kiểm toán theo Chuẩn mực KTNN và các hướng dẫn về lập và trình bày BCQT NSNN.

- Đánh giá việc tuân thủ pháp luật trong công tác tổng hợp, lập, giao, tổ chức thực hiện dự toán và khóa sổ, lập BCQT NSNN; đánh giá tính hiệu lực việc triển khai chính sách tài khóa, quản lý, điều hành và quyết toán NSNN; phát hiện những tồn tại, hạn chế trong quản lý, điều hành NSNN để kiến nghị biện pháp khắc phục, hoàn thiện từ cơ chế chính sách đến tổ chức quản lý, thực hiện.

2. Xác định, đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu

Việc xác định và đánh giá rủi ro kiểm toán dựa trên những đánh giá tổng quát về các yếu tố tác động đến rủi ro tiềm tàng và rủi ro kiểm soát để làm cơ sở xây dựng kế hoạch kiểm toán tổng quát theo quy định tại Quy trình kiểm toán của KTNN, lưu ý một số nội dung sau:

a) Về rủi ro tiềm tàng:

BCQT NSNN được Bộ Tài chính tổng hợp, lập và trình Chính phủ trên cơ sở BCQT ngân sách của đơn vị dự toán cấp I thuộc NSTW và BCQT NSDP đã được HĐND cấp tỉnh phê chuẩn; tuy nhiên, số liệu giữa các đơn vị thuộc Bộ Tài chính có liên quan đến quyết toán NSNN có thể còn sai lệch, số liệu quyết toán được tổng hợp từ nhiều cấp ngân sách, nhiều đơn vị dự toán nên có thể chưa đầy đủ, chính xác hoặc chưa được đối chiếu, xác nhận với KBNN,...

b) Về rủi ro kiểm soát:

- Còn trường hợp phê chuẩn quyết toán NSDP của HĐND cấp tỉnh chưa

căn cứ vào kết quả kiểm toán của KTNN; một số khoản thu, chi hạch toán quyết toán không đúng niên độ ngân sách; một số khoản thu, chi chưa đưa vào cân đối ngân sách;...

- Việc xét duyệt quyết toán của các bộ, cơ quan trung ương đối với các đơn vị trực thuộc vẫn còn sai sót như: Tổng hợp thiếu nguồn kinh phí; phản ánh thiếu các khoản thu sự nghiệp; đưa vào quyết toán các khoản chi sai chế độ, các khoản chi chưa đủ điều kiện quyết toán; chưa ghi thu, ghi chi các khoản viện trợ.

- Công tác kiểm tra quyết toán của Bộ Tài chính đối với các bộ, cơ quan trung ương có thể chưa đầy đủ, kịp thời và tiềm ẩn sai sót.

3. Xác định trọng yếu kiểm toán

Dựa trên đánh giá rủi ro kiểm toán; quy mô thu, chi NSNN và các chỉ tiêu quan trọng khác trên BCQT NSNN; kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia; kế hoạch đầu tư công trung hạn quốc gia; chính sách tài khóa, tiền tệ và các giải pháp quản lý, điều hành NSNN liên quan đến năm được kiểm toán để xác định trọng yếu kiểm toán theo quy định tại Quy trình kiểm toán của KTNN. Trong đó xác định một số nội dung, khoản mục trọng yếu cần tập trung đánh giá như sau:

a) Đánh giá công tác tổng hợp, lập, giao, phân bổ dự toán cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương, lưu ý:

- Đánh giá công tác tham mưu xây dựng nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ chi NSNN theo quy định tại khoản 2 Điều 27 Luật NSNN năm 2025 (Luật NSNN).

- Đánh giá việc lập, phê duyệt phương án phân bổ chi tiết đối với các khoản chưa phân bổ chi tiết quy định tại khoản 3 Điều 26 Luật NSNN.

- Đánh giá việc giao chi tiết nhiệm vụ thu, chi NSNN theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ và chi tiết nhiệm vụ thu, chi NSNN để thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý ngành cho từng bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương và từng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo khoản 6 Điều 27 Luật NSNN.

- Đánh giá việc tuân thủ quy trình, thời hạn theo quy định trong công tác tổng hợp, giao, phân bổ dự toán.

- Đánh giá việc bổ sung dự toán, điều chỉnh dự toán trong năm theo quy định.

- Đánh giá việc tham mưu, ban hành, tổ chức thực hiện các chính sách tài khóa, các văn bản chỉ đạo, điều hành NSNN của Quốc hội, UBND, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

b) Về cấp độ tổng thể BCQT NSNN:

- Đánh giá công tác lập BCQT NSNN so với quy định tại Điều 67 Luật NSNN: (i) Số liệu quyết toán NSNN phải chính xác, trung thực, đầy đủ; (ii) Số quyết toán thu NSNN là số thu đã thực nộp và số thu đã hạch toán thu NSNN theo

quy định. Các khoản thu thuộc ngân sách các năm trước nộp ngân sách năm sau phải hạch toán vào thu ngân sách năm sau. Số quyết toán chi NSNN là số chi đã thực thanh toán và số chi đã hạch toán chi NSNN theo quy định; (iii) Số liệu quyết toán ngân sách của đơn vị sử dụng ngân sách, của chủ đầu tư và của ngân sách các cấp phải được đối chiếu, xác nhận với KBNN nơi giao dịch; (iv) Nội dung BCQT NSNN phải theo đúng các nội dung ghi trong dự toán NSNN được giao và theo mục lục NSNN; chi từ các khoản viện trợ không hoàn lại được quyết toán theo thực tế giải ngân; (v) Những khoản thu NSNN không đúng quy định của pháp luật phải được hoàn trả cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân đã nộp NSNN; những khoản nợ thu NSNN phải được truy thu đầy đủ, kịp thời vào NSNN; những khoản chi NSNN không đúng với quy định của pháp luật phải được thu hồi đầy đủ, kịp thời cho ngân sách; các khoản nộp trả ngân sách cấp trên phải nộp trả kịp thời; (vi) BCQT của đơn vị sử dụng ngân sách, đơn vị dự toán cấp trên, ngân sách các cấp phải kèm theo thuyết minh đánh giá kết quả, hiệu quả chi ngân sách gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ của đơn vị, địa phương, lĩnh vực, chương trình, mục tiêu được giao phụ trách.

- Đánh giá việc lập BCQT NSNN đảm bảo thời hạn và trình tự quyết toán NSNN theo quy định tại Điều 72 Luật NSNN và tuân thủ mẫu biểu quy định.

- BCQT NSNN được tổng hợp đầy đủ và xử lý theo quy định tại Điều 70 Luật NSNN.

- Số liệu quyết toán ngân sách của các bộ, cơ quan trung ương có được cơ quan tài chính kiểm tra tính đầy đủ, khớp đúng giữa các số liệu quyết toán với xác nhận của KBNN theo điểm b khoản 1 Điều 70 Luật NSNN.

- Hệ thống các chỉ tiêu trên BCQT NSNN có được tổng hợp đầy đủ, đúng từ BCQT ngân sách của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương không.

- Việc tuân thủ thời gian lập, gửi báo cáo của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương; sự đồng nhất số liệu giữa BCQT NSNN Bộ Tài chính tổng hợp, lập với BCQT ngân sách của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương; giữa số liệu của các cơ quan/đơn vị của Bộ Tài chính.

c) Về cấp độ khoản mục trong BCQT NSNN:

(1) Các khoản mục kiểm toán được xác định theo nội dung kinh tế trong cân đối NSNN, gồm:

(i) Tổng nguồn thu NSNN:

- Thu NSNN:

+ *Thu nội địa;*

+ *Thu từ dầu thô;*

+ *Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu;*

+ *Thu viện trợ;*

- Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang;
- Thu từ quỹ dự trữ tài chính;
- Thu kết dư năm trước;
- Thu từ cấp dưới nộp trả NSTW.

(ii) Tổng chi NSNN:

- Chi NSNN:
 - + *Chi đầu tư phát triển;*
 - + *Chi thường xuyên;*
 - + *Chi dự trữ quốc gia;*
 - + *Chi trả nợ lãi;*
 - + *Chi cho vay;*
 - + *Chi viện trợ;*
 - + *Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính;*
 - + *Dự phòng NSNN;*
 - + *Chi cải cách tiền lương, tinh giản biên chế;*
 - + *Các khoản chi khác.*
- Chi chuyển nguồn sang năm sau;
- Chi bổ sung từ NSTW cho NSDP;
- Chi nộp trả NSTW.

(iii) Bội chi NSNN:

- Bội chi NSTW;
- Bội chi NSDP.

(iv) Kết dư NSDP.

(v) Chi trả nợ gốc:

- Chi trả nợ gốc NSTW;
- Chi trả nợ gốc NSDP.

(vi) Tổng mức vay của NSNN:

- Vay để bù đắp bội chi;
- Vay để trả nợ gốc.

(2) Các nội dung kiểm toán chủ yếu được xác định theo khoản mục trọng yếu, gồm:

- (i) Công tác quyết toán ngân sách;

(ii) Công tác xử lý chuyển nguồn sang năm sau;

(iii) Công tác quản lý, theo dõi, điều hành ngân sách.

(3) Các lưu ý khi xác định trọng yếu kiểm toán:

Việc xác định trọng yếu kiểm toán thực hiện theo hướng dẫn tại Chuẩn mực KTNN về xác định và vận dụng trọng yếu trong kiểm toán tài chính, trong đó cần lưu ý:

- Trọng yếu kiểm toán BCQT NSNN được xác định trên cả phương diện định lượng và định tính. Khi xác định trọng yếu kiểm toán cần chú ý các vấn đề, nội dung, khoản mục có thể có những sai sót ảnh hưởng đáng kể như: Các chỉ tiêu có tỷ trọng lớn; các chỉ tiêu được Quốc hội, Chính phủ và xã hội quan tâm; các chỉ tiêu thay đổi do tác động từ thay đổi chính sách pháp luật hoặc thay đổi cách thức quản lý; các chỉ tiêu có biến động bất thường, hay có phát hiện sai sót,...

- Khi xét đoán tính trọng yếu của các sai sót đối với BCQT NSNN, Kiểm toán viên nhà nước không chỉ dựa vào quy mô sai sót (khía cạnh định lượng) mà còn phải xem xét bản chất của sai sót trong từng hoàn cảnh cụ thể (khía cạnh định tính).

- Các sai sót, thông tin thiếu hoặc thông tin không chính xác được coi là trọng yếu khi bản chất, tính chất và tầm quan trọng của nó có thể gây ảnh hưởng đến quyết định của các đối tượng sử dụng thông tin tài chính cho dù quy mô sai sót có thể nhỏ.

4. Nội dung kiểm toán khác:

Qua thông tin khảo sát và các yêu cầu theo hướng dẫn của KTNN hằng năm để xác định các nội dung kiểm toán khác cho phù hợp; trong đó cần lưu ý một số nội dung sau:

- Việc trích lập, quản lý, sử dụng quỹ dự trữ tài chính trung ương theo Luật NSNN.

- Công tác theo dõi, quản lý nợ thuế, hoàn thuế.

- Việc ứng trước dự toán cho năm sau liên kê năm được kiểm toán và hoàn trả khoản ứng trước của các năm trước trong năm được kiểm toán (nếu có).

- Việc thanh toán, tạm ứng, thu hồi tạm ứng đối với các nguồn vốn đầu tư.

- Công tác theo dõi, xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản (XD CB).

- Công tác theo dõi, quản lý vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư.

- Tình hình quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành.

- Công tác giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư.

- Tình hình thực hiện công tác đấu thầu.

- Việc thực hiện các chính sách an sinh xã hội.

- Việc quản lý, sử dụng dự phòng NSTW.
- Việc quản lý, sử dụng nguồn tăng thu, dự toán chi còn lại.
- Việc hỗ trợ vốn điều lệ cho các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách.
- Công tác theo dõi, quản lý các CTMTQG.
- Công tác theo dõi, quản lý vốn vay, vốn viện trợ.
- Đánh giá việc công khai NSNN theo quy định tại Điều 15 Luật NSNN và các văn bản quy định có liên quan.

5. Tiêu chí kiểm toán: Thực hiện theo quy định tại Quy trình kiểm toán của KTNN.

6. Phạm vi kiểm toán, thời hạn kiểm toán, nhân sự kiểm toán, kinh phí và điều kiện cần thiết cho cuộc kiểm toán: Thực hiện quy định tại Quy trình kiểm toán của KTNN.

Điều 8. Xét duyệt và phát hành kế hoạch kiểm toán tổng quát; Quyết định kiểm toán; phổ biến quyết định kiểm toán, kế hoạch kiểm toán tổng quát và trao đổi với các thành viên Đoàn kiểm toán; chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho Đoàn kiểm toán

Thực hiện theo quy định tại Quy trình kiểm toán của KTNN và các văn bản quy định có liên quan.

Chương III

THỰC HIỆN KIỂM TOÁN

Điều 9. Công bố quyết định kiểm toán

Tổ chức công bố quyết định kiểm toán tại Bộ Tài chính hoặc trụ sở KTNN; thông báo kế hoạch kiểm toán tổng quát; nêu rõ trách nhiệm, quyền hạn của Trưởng đoàn và các thành viên Đoàn kiểm toán, quyền và nghĩa vụ của đơn vị được kiểm toán theo quy định của pháp luật; thống nhất sự phối hợp hoạt động giữa Đoàn kiểm toán và đơn vị được kiểm toán.

Điều 10. Tiến hành kiểm toán

Thực hiện theo quy định tại Quy trình kiểm toán của KTNN; tập trung thực hiện kiểm toán các nội dung trọng yếu ở cấp độ tổng thể BCQT NSNN theo điểm b khoản 3 Điều 7 Hướng dẫn này và thực hiện rà soát, đối chiếu số liệu các khoản mục của BCQT NSNN so với kết quả kiểm toán của KTNN đối với các bộ, cơ quan trung ương và địa phương. Ngoài ra, lưu ý kiểm toán một số nội dung, khoản mục sau:

1. Thu NSNN:

a) Công tác lập, giao dự toán thu NSNN:

- Kiểm tra, đánh giá căn cứ lập, giao dự toán thu (thu nội địa, thu dầu thô, thu từ hoạt động xuất nhập khẩu; thu viện trợ).

- Đánh giá việc tuân thủ trình tự, thủ tục, tỷ lệ động viên trong lập, giao dự toán.

- Đánh giá sự hợp lý của các chỉ tiêu trong dự toán thu ngân sách; trong đó, lưu ý đến các chỉ tiêu xây dựng dự toán vượt cao hoặc đạt thấp so với dự toán năm trước hoặc số ước thực hiện trong năm trước năm kế hoạch; các khoản tăng/giảm thu do thực hiện chính sách điều hành của Quốc hội, Chính phủ.

- Đánh giá tính tuân thủ, tính hợp lý trong việc điều chỉnh dự toán thu.

b) Về thực hiện dự toán thu NSNN:

- Phân tích, đánh giá kết quả thực hiện dự toán thu NSNN theo từng sắc thuế, phí, lệ phí; xác định nguyên nhân các khoản thu vượt cao hoặc không đạt so dự toán.

- Kiểm tra, đánh giá công tác quản lý, điều hành thu NSNN của Bộ Tài chính, lưu ý: Việc tổ chức điều hành thực hiện kế hoạch thu; tổ chức thực hiện các giải pháp của Quốc hội, Chính phủ liên quan đến thu NSNN trong năm được kiểm toán và các biện pháp quản lý thu của ngành Thuế, Hải quan; việc đôn đốc thu nộp lợi nhuận, cổ tức được chia cho phần vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp; việc triển khai các quy định pháp luật về thuế mới có hiệu lực áp dụng trong năm được kiểm toán (nếu có); việc theo dõi, hạch toán, quản lý các khoản tạm thu, tạm giữ; việc xử lý các khoản tạm thu, tạm giữ của năm được kiểm toán (nếu có).

- Kiểm tra việc thực hiện công tác kế toán, thống kê và báo cáo kế toán, quyết toán theo chế độ quy định.

c) Về quyết toán thu NSNN:

- Kiểm toán xác định số quyết toán thu NSNN thông qua việc đối chiếu số liệu hạch toán của KBNN, số liệu quyết toán thu NSNN do Bộ Tài chính lập và số liệu thu ngân sách do ngành Thuế và Hải quan quản lý; làm rõ nguyên nhân chênh lệch (nếu có) để xác định số quyết toán thu NSNN.

- Đối chiếu số quyết toán thu NSNN từ các sắc thuế do Cục Thuế, Cục Hải quan tổng hợp từ báo cáo của các Thuế địa phương, Chi cục Hải quan khu vực với số thu từ các sắc thuế do KBNN tổng hợp; xác định nguyên nhân chênh lệch (nếu có), đề nghị các đơn vị kiểm tra, điều chỉnh để xác định chính xác số thu từ các sắc thuế.

- Kiểm tra, rà soát số liệu quyết toán về chi hoàn thuế GTGT.

- Kiểm tra việc điều chỉnh số liệu quyết toán thu NSNN theo kết quả kiểm toán NSDP (nếu có).

- Kiểm tra, rà soát việc theo dõi, tổng hợp các nguồn thu của NSTW đảm bảo tính đầy đủ, chính xác theo Điều 36 Luật NSNN; trong đó, ngoài việc rà soát theo các sắc thuế cần lưu ý: (i) Xác định số thu về dầu thô phản ánh vào quyết

toán thu NSNN; (ii) Xác định các khoản viện trợ không hoàn lại của Chính phủ các nước, các tổ chức, cá nhân nước ngoài cho Nhà nước, Chính phủ Việt Nam và chính quyền địa phương; các khoản tài trợ, đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước (lưu ý: Đánh giá việc ghi thu - ghi chi nguồn viện trợ; việc lập dự toán và quyết toán nguồn viện trợ; chi từ các khoản viện trợ không hoàn lại được quyết toán theo thực tế giải ngân); (iii) Thu nộp NSNN từ khai thác, xử lý tài sản công do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc trung ương quản lý, xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; (iv) Các khoản thu hồi vốn của NSTW đầu tư tại các tổ chức kinh tế; cổ tức được chia bằng tiền, lợi nhuận được chia tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của Nhà nước do bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức được Chính phủ giao là cơ quan đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ là cơ quan đại diện chủ sở hữu; chênh lệch thu lớn hơn chi của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sau khi trừ khoản dự phòng rủi ro và trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật; (v) Thu từ quỹ dự trữ tài chính trung ương; (vi) Thu kết dư NSTW; (vii) Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang của NSTW.

- Kiểm tra, rà soát các khoản thu phân chia và tỷ lệ phần trăm (%) giữa NSTW và NSDP; trong đó, ngoài việc rà soát theo các sắc thuế cần lưu ý: (i) Tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, trừ thu tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc trung ương quản lý; (ii) Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; trong đó, kiểm tra rà soát khoản thu từ thuế GTGT được phân chia (*không bao gồm số thuế GTGT được hoàn theo quy định của Luật Thuế GTGT*) theo quy định tại tiết e khoản 2 Điều 36 Luật NSNN.

d) Về hoàn thuế:

- Kiểm tra, đánh giá việc lập dự toán hoàn thuế.
- Kiểm toán công tác tổng hợp, theo dõi số chi hoàn thuế từ NSNN, thu hồi hoàn thuế.
- Xác định nguyên nhân hoàn thuế nếu không đạt dự toán giao (lưu ý làm rõ những khó khăn, vướng mắc).

e) Về nợ thuế:

- Xác định số nợ thuế đến cuối năm thông qua kết quả kiểm toán tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.
- So sánh, đánh giá mức độ tăng giảm, phân tích nguyên nhân tăng, giảm nợ thuế; so sánh với chỉ tiêu được Thủ tướng Chính phủ giao.
- Đánh giá việc thu hồi nợ thuế, trong đó cần lưu ý đánh giá công tác cưỡng chế thu hồi nợ.

- Đánh giá việc tuân thủ quy định trong việc xóa nợ thuế, khoan nợ, xóa nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp thuộc thẩm quyền của Cục Thuế, Cục Hải quan, Bộ Tài chính, Thủ tướng Chính phủ (nếu có).

2. Chi đầu tư phát triển:

a) Công tác lập, giao dự toán chi đầu tư phát triển:

- Đánh giá công tác tổng hợp, rà soát và tham mưu giao dự toán chi đầu tư phát triển.

- Đánh giá việc tuân thủ nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn; việc bố trí thu hồi vốn ứng trước và xử lý nợ đọng XDCB.

- Đánh giá sự phù hợp giữa việc bố trí dự toán chi đầu tư phát triển với Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn.

- Đánh giá việc tuân thủ trình tự, thủ tục và tính hợp lý trong điều chỉnh dự toán chi đầu tư phát triển (nguồn NSTW).

- Kiểm tra, đánh giá việc tổng hợp, trình và giao dự toán từ nguồn dự phòng NSTW, tăng thu và nguồn bổ sung dự toán chi đầu tư khác.

b) Về thực hiện dự toán chi đầu tư phát triển:

- Đánh giá việc tuân thủ trình tự, thủ tục trong điều chỉnh, điều hòa kế hoạch vốn trung hạn và hằng năm (nguồn NSTW, nguồn vốn ngoài nước).

- Đánh giá việc cấp phát bằng lệnh chi tiền cho chi đầu tư phát triển vốn NSTW.

- Đánh giá việc thanh toán, tạm ứng, thu hồi tạm ứng; việc theo dõi, tổng hợp số vốn tạm ứng quá hạn chưa thu hồi.

- Đánh giá việc tổng hợp từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư.

- Đánh giá việc theo dõi, tổng hợp số liệu giải ngân (lưu ý đánh giá số giải ngân so với vốn giao đầu năm, giao bổ sung trong năm và vốn kéo dài từ năm trước sang).

c) Quyết toán chi đầu tư phát triển:

- Kiểm toán xác định số quyết toán chi đầu tư phát triển thông qua việc đối chiếu số liệu hạch toán của KBNN và số liệu quyết toán do Bộ Tài chính lập; làm rõ nguyên nhân chênh lệch (nếu có) để xác định chính xác số quyết toán chi đầu tư phát triển.

- Đối chiếu số quyết toán chi đầu tư phát triển tổng hợp từ báo cáo của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương với số liệu do KBNN tổng hợp; xác định nguyên nhân chênh lệch (nếu có), đề nghị các đơn vị kiểm tra, điều chỉnh để xác định chính xác số quyết toán chi đầu tư phát triển trong năm.

- Kiểm tra việc điều chỉnh số liệu quyết toán chi đầu tư phát triển theo kết quả kiểm toán tại các bộ, cơ quan trung ương và địa phương (nếu có).

- Kiểm tra, rà soát các khoản chi đầu tư phát triển cấp bằng lệnh chi tiền không qua KBNN kiểm soát.

- Kiểm tra, đánh giá việc tổng hợp quyết toán vốn đầu tư do các bộ, cơ quan trung ương quản lý (lưu ý số quyết toán vốn ngoài nước).

- Đối chiếu số liệu với các tài liệu có liên quan của Bộ Tài chính, KBNN.

d) Về xử lý chuyển nguồn chi đầu tư phát triển: Tổng hợp, rà soát tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn kéo dài từ năm trước sang trên cơ sở báo cáo của Bộ Tài chính.

e) Nợ đọng XDCCB: Đánh giá công tác tham mưu, giám sát và tổng hợp kết quả xử lý nợ đọng XDCCB trên cơ sở báo cáo của Bộ Tài chính.

g) Về ứng trước dự toán: Kiểm tra, đánh giá việc theo dõi, tổng hợp tình hình ứng trước dự toán và thu hồi vốn ứng trước từ NSTW cho các dự án đầu tư của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương (Lưu ý tách rõ dự án do trung ương quản lý, địa phương quản lý).

h) Một số nội dung khác cần lưu ý:

- Kiểm toán CTMTQG: (i) Đánh giá công tác tổng hợp danh mục, tổng hợp tổng mức vốn, tình hình giải ngân, thanh toán nguồn vốn chi đầu tư phát triển các CTMTQG; (ii) Đánh giá kết quả thực hiện dự toán chi đầu tư phát triển CTMTQG qua kết quả kiểm toán tại Bộ Tài chính và một số bộ, cơ quan trung ương và địa phương.

- Tổng hợp công tác đấu thầu và giám sát đánh giá đầu tư, việc theo dõi, quản lý vốn đầu tư trên cơ sở báo cáo của Bộ Tài chính; việc tổng hợp báo cáo định kỳ và cả năm các dự án sử dụng NSTW theo quy định; chế độ báo cáo, cung cấp thông tin báo cáo trên hệ thống dữ liệu quốc gia về đầu tư công.

- Đánh giá tình hình quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành; kiểm tra, đánh giá việc theo dõi, đôn đốc quyết toán vốn đầu tư của các dự án hoàn thành (gồm: Các dự án đã hoàn thành chưa lập quyết toán, số dự án lập quyết toán chậm; các dự án đã lập quyết toán vốn nhưng chưa được phê duyệt quyết toán; các dự án đã được phê duyệt quyết toán vốn đầu tư).

3. Chi thường xuyên:

a) Công tác lập, giao dự toán chi thường xuyên:

- Đánh giá việc tuân thủ yêu cầu lập dự toán NSNN theo quy định tại Điều 45, Điều 46 Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn. Lưu ý tính đầy đủ các khoản

chi, đảm bảo mẫu biểu và thời hạn quy định; xem xét việc tổng hợp dự toán của các bộ, cơ quan trung ương.

- Đánh giá việc phân bổ, giao dự toán đảm bảo yêu cầu và thời hạn quy định tại Điều 51, Điều 52 Luật NSNN; trong đó, lưu ý việc phân bổ dự toán chi còn lại của cấp ngân sách.

- Đánh giá việc điều chỉnh dự toán NSNN, điều chỉnh dự toán đã giao cho các đơn vị sử dụng ngân sách theo quy định tại Điều 54, Điều 55 Luật NSNN; lưu ý: Đánh giá trình tự, thẩm quyền, nguồn sử dụng, đối tượng và thời gian theo quy định.

- Đánh giá trách nhiệm của các cơ quan liên quan đối với các nhiệm vụ chi đã bố trí dự toán NSTW nhưng không sử dụng vì chậm triển khai nhiệm vụ hoặc không phát sinh nhu cầu chi.

Đánh giá việc phân bổ đối với các khoản chưa phân bổ chi tiết ngay từ đầu có bảo đảm kịp thời, tuân thủ đúng quy định của pháp luật và báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

b) Về thực hiện dự toán chi thường xuyên:

- Đánh giá việc cấp phát bằng lệnh chi tiền vốn NSTW (nếu có).

- Kiểm tra, đánh giá số thực hiện so với dự toán được giao (bao gồm cả số giao đầu năm và số giao bổ sung trong năm) và chi tiết theo từng nguồn vốn; phân tích rõ nguyên nhân khách quan, chủ quan trong trường hợp không đạt hoặc vượt dự toán; đánh giá số thực hiện năm hiện hành từ nguồn kinh phí năm trước chuyển sang (nếu có).

c) Quyết toán chi thường xuyên:

- Kiểm toán xác định số quyết toán thông qua việc đối chiếu số liệu hạch toán của KBNN và số liệu quyết toán do Bộ Tài chính lập; làm rõ nguyên nhân chênh lệch (nếu có) để xác định chính xác số quyết toán.

- Đối chiếu số quyết toán tổng hợp từ báo cáo của các bộ, cơ quan trung ương với số liệu do KBNN tổng hợp; xác định nguyên nhân chênh lệch (nếu có), đề nghị các đơn vị kiểm tra, điều chỉnh để xác định chính xác số quyết toán trong năm.

- Kiểm tra việc điều chỉnh số liệu quyết toán theo kết quả kiểm toán tại các bộ, cơ quan trung ương và địa phương (nếu có).

d) Về xử lý chuyển nguồn chi thường xuyên:

Xác định tổng số chi chuyển nguồn, cơ cấu chi chuyển nguồn; nguyên nhân chủ yếu các khoản chi chuyển nguồn năm kiểm toán sang năm sau, lưu ý đến kết quả kiểm toán tại các bộ, cơ quan trung ương, địa phương; việc xử lý thu, chi NSNN cuối năm theo Điều 66 Luật NSNN.

e) *Kiểm toán CTMTQG*: (i) Lưu ý đánh giá việc tuân thủ theo các quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn NSTW và tỷ lệ vốn đối ứng của NSDP thực hiện các CTMTQG; (ii) Đánh giá tình hình thực hiện của các CTMTQG so với dự toán giao; xác định nguyên nhân thực hiện vượt dự toán hoặc không đạt dự toán; (iii) Đánh giá kết quả thực hiện các CTMTQG dựa trên báo cáo của Bộ Tài chính, cơ quan chủ quản Chương trình và qua kết quả kiểm toán tại một số bộ, cơ quan trung ương và địa phương; (iv) Xác định số kinh phí sự nghiệp của các CTMTQG còn dư hoặc chưa sử dụng hết.

4. Chi dự trữ quốc gia:

- Xác định số liệu NSNN chi để mua hàng dự trữ quốc gia; chi hoạt động nhập, xuất, mua, bán, bảo quản, bảo vệ, bảo hiểm hàng dự trữ quốc gia.
- Đánh giá mức độ chi dự trữ quốc gia theo quy định của pháp luật về dự trữ quốc gia.

5. Chi viện trợ: Xác định số liệu quyết toán chi viện trợ (chi NSNN để thực hiện các nhiệm vụ đối ngoại, hợp tác phát triển của Nhà nước, Chính phủ Việt Nam với nước ngoài và địa phương của Việt Nam với địa phương nước ngoài; cứu trợ nhân đạo, hỗ trợ khẩn cấp cho nước ngoài theo quy định của pháp luật).

6. Dự phòng NSNN:

- Đánh giá việc sử dụng nguồn dự phòng NSTW về nội dung chi, trình tự, thủ tục, thẩm quyền phê duyệt. Trong đó, lưu ý việc tuân thủ quy định tại Điều 10 Luật NSNN và các quy định khác có liên quan, như: Việc sử dụng nguồn dự phòng NSTW có đúng nội dung chi, đối tượng, điều kiện; đánh giá về việc sử dụng dự phòng NSTW để thu hồi tạm ứng và quyết toán các khoản hỗ trợ cho địa phương về khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh từ các năm trước.

- Đánh giá công tác tham mưu sử dụng dự phòng NSTW theo quy định tại khoản 8 Điều 27 Luật NSNN.

7. Chi bổ sung từ NSTW: Xác định tổng số bổ sung cân đối, bổ sung có mục tiêu cho các địa phương, cơ sở và nội dung bổ sung; lưu ý việc xác định kinh phí hỗ trợ địa phương thực hiện chế độ, chính sách mới, các chính sách an sinh xã hội; đánh giá các khoản chi bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho các địa phương; làm rõ tính chính xác số liệu bổ sung cân đối NSTW cho địa phương, có đủ điều kiện, đúng nguyên tắc và trường hợp được bổ sung theo quy định không.

8. Cân đối ngân sách (Bội chi NSNN; kết dư NSTW, NSDP):

- Xác định số bội chi NSNN, tỷ lệ bội chi NSNN so với GDP, đồng thời đánh giá các biện pháp (giải pháp) để giảm bội chi, tăng chi trả nợ của Chính phủ.

- Làm rõ việc xác định kết dư NSTW, NSDP theo quy định, việc xử lý kết dư đảm bảo theo quy định.

9. Vay, trả nợ:

- Đánh giá công tác xây dựng, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch vay, trả nợ công 05 năm; kế hoạch vay, trả nợ công đối với năm được kiểm toán.

- Xác định số chi trả nợ gốc NSTW, NSDP trong năm được kiểm toán và so sánh với kế hoạch trả nợ được duyệt.

- Xác định số vay để bù đắp bội chi, vay để trả nợ gốc.

- Xác định số chi trả nợ lãi để thanh toán các khoản lãi, phí và chi phí khác phát sinh do hoạt động vay nợ của NSNN (không bao gồm lãi, phí và chi phí khác từ việc vay về cho đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp vay lại).

- Xác định số chi cho vay.

- Đánh giá việc tuân thủ trong chi trả nợ gốc, nợ lãi, chi cho vay theo quy định của Nhà nước và các hiệp định được ký kết.

10. Về nguồn tăng thu và dự toán chi còn lại của NSTW: Đánh giá tình hình phân bổ, sử dụng nguồn tăng thu, dự toán chi còn lại của NSTW theo Nghị quyết của UBTWQH và khoản 2 Điều 61 Luật NSNN.

11. Các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách: Đánh giá việc hỗ trợ vốn điều lệ cho các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách phát sinh trong năm được kiểm toán.

12. Quỹ dự trữ tài chính trung ương: Xác định số trích lập và đánh giá tình hình quản lý, sử dụng quỹ dự trữ tài chính trung ương.

13. Chi cải cách tiền lương, tinh giản biên chế và các chính sách an sinh xã hội:

- Đánh giá việc theo dõi, tổng hợp, tham mưu sử dụng (nếu có) nguồn kinh phí thực hiện cải cách tiền lương, tinh giản biên chế; xác định số liệu nguồn cải cách tiền lương chưa sử dụng của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương chuyển sang năm sau.

- Kiểm tra, đánh giá việc các địa phương tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện các chính sách an sinh xã hội do trung ương ban hành (trong đó chi tiết kết quả đối với từng chính sách, chế độ an sinh xã hội, trường hợp thừa, thiếu so với mức đã bố trí dự toán năm được kiểm toán), việc Bộ Tài chính tổng hợp trình cấp có thẩm quyền và việc xử lý trong quá trình điều hành ngân sách năm được kiểm toán hoặc trong dự toán năm tiếp theo; đánh giá việc thực hiện chế độ báo cáo của các địa phương về kết quả thực hiện các chính sách an sinh xã hội.

Điều 11. Lập và thông qua dự thảo biên bản kiểm toán của Tổ kiểm toán tại đơn vị được kiểm toán chi tiết

Thực hiện theo quy định tại Quy trình kiểm toán của KTNN.

Chương IV**LẬP VÀ GỬI BÁO CÁO KIỂM TOÁN****Điều 12. Lập và gửi báo cáo kiểm toán**

1. Báo cáo kiểm toán BCQT NSNN tại Bộ Tài chính được lập và gửi theo trình tự, thủ tục quy định tại Quy trình kiểm toán của KTNN.
2. Báo cáo kiểm toán BCQT NSNN trình Quốc hội được lập trên cơ sở BCQT NSNN do Chính phủ trình Quốc hội, tổng hợp một số kết quả kiểm toán trong năm có liên quan đến quyết toán NSNN và Báo cáo kiểm toán BCQT NSNN tại Bộ Tài chính.
3. Vụ Tổng hợp có trách nhiệm tổng hợp, lập Báo cáo kiểm toán BCQT NSNN trình Tổng Kiểm toán nhà nước ký phát hành; trong đó đối chiếu những điều chỉnh (nếu có) giữa BCQT NSNN Chính phủ trình Quốc hội với BCQT NSNN Bộ Tài chính gửi KTNN khi thực hiện kiểm toán BCQT NSNN tại Bộ Tài chính./.